

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hồng Tư

2. Ông Phạm Văn Sáu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn, chị A trình bày: Chị và anh B xây dựng hôn nhân năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018 ngày 29/01/2018. Vợ chồng chị chung sống không có con chung cũng không có con riêng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc,

tuy là vợ chồng nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B, không yêu cầu đoàn tụ; con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh Tiến để tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên không ghi nhận được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A ly hôn với anh B. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị A yêu cầu ly hôn với anh B, hiện nay anh B cư trú tại ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B xây dựng hôn nhân năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018 ngày 29/01/2018 nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu tháng 02/2020 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị A cương quyết được ly hôn với anh B. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, cùng nhau chăm sóc, yêu thương nhau nhưng ở đây chị A và anh B đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc khác, chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay và không có biện pháp gì để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[3.2] Về con chung: Chị A xác định chị và anh B chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định vợ chồng chị chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008352 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được chuyển thu án phí.

Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện V;
- CC THADS huyện V
- UBND xã H, huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến